

Số: 79/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2024

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ**

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 (sau đây gọi là Nghị định số 121/2016/NĐ-CP) như sau:

“2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thực hiện xếp lương theo bảng lương do doanh nghiệp xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và

Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 Nghị định số 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 (sau đây gọi là Nghị định số 74/2020/NĐ-CP) những nội dung sau:

a) Sửa đổi cụm từ “Thực hiện các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng do Nhà nước, Bộ Quốc phòng giao” thành “Thực hiện các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng do Nhà nước, Bộ Quốc phòng giao hoặc do doanh nghiệp tự thực hiện nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm dịch vụ an ninh, quốc phòng mà không có doanh thu hoặc chưa có doanh thu”.

b) Sửa đổi cụm từ “Nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm do Nhà nước định giá)” thành “sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá nhưng giá đó chưa bù đắp chi phí theo quy định pháp luật về giá và pháp luật liên quan hoặc do Nhà nước điều chỉnh giá thấp hơn so với mức giá đã ký hợp đồng, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ”.

c) Bổ sung vào trước đoạn “; thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác” một đoạn như sau: “; được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao khối lượng sản phẩm, dịch vụ an ninh, quốc phòng tăng so với năm trước liền kề; ảnh hưởng trực tiếp khi thực hiện đề án cơ cấu lại doanh nghiệp theo quy định cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; điều chỉnh hoặc phát sinh mới trích các khoản dự phòng theo quy định khi có yếu tố khách quan tại nước sở tại nơi công ty đầu tư các dự án; điều chỉnh chính sách hoạt động theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo các điều ước quốc tế được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với bên ký kết nước ngoài; do sự thay đổi chính sách của nước sở tại nơi công ty đầu tư các dự án; thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến các yếu tố sản xuất đầu vào cơ bản của công ty;”.

3. Bổ sung vào đoạn cuối điểm a khoản 5 Điều 6 của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 74/2020/NĐ-CP, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 (sau đây gọi là Nghị định số 82/2021/NĐ-CP) một đoạn như sau:

“Đối với năm tài chính liền kề sau năm nhận sáp nhập, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động của công ty sau sáp nhập được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân của người lao động tại công ty nhận sáp nhập hoặc công ty bị sáp nhập trước thời điểm sáp nhập.

Trường hợp sau khi nhận sáp nhập, khi công ty phát sinh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới (ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đã có của công ty nhận sáp nhập, công ty bị sáp nhập và nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới tiếp nhận từ Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội), quỹ tiền lương thực hiện

của người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân do công ty quyết định bảo đảm tương quan chung trong Tập đoàn.

Sau thời gian tính từ thời điểm tiếp nhận nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới từ Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội hoặc nhận sáp nhập hoặc phát sinh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới ở công ty sau sáp nhập đến hết năm tài chính liền kề năm tiếp nhận nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh từ công ty mẹ hoặc nhận sáp nhập hoặc phát sinh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới ở công ty sau sáp nhập quy định tại đoạn 1 và đoạn 2 điểm này thì quỹ tiền lương thực hiện hằng năm của người lao động thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đó được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân thực hiện tính theo chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện so với năm trước liền kề theo nguyên tắc quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.”.

4. Bổ sung vào cuối điểm b khoản 5 Điều 6 của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 74/2020/NĐ-CP, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP như sau:

“Sau thời gian tính từ thời điểm phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh mới đến hết năm tài chính liền kề năm phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh mới thì quỹ tiền lương thực hiện hằng năm của người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh này được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân thực hiện tính theo chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện so với năm trước liền kề theo nguyên tắc quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.”.

5. Sửa đổi điểm c khoản 5 Điều 6 của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 74/2020/NĐ-CP, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP như sau:

“c) Khi xác định quỹ tiền lương thực hiện quy định tại đoạn 1, đoạn 2 của điểm a và đoạn 1 của điểm b khoản này, công ty phải bảo đảm: hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Đảng và Nhà nước giao; nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, có lợi nhuận và phải báo cáo Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội cho ý kiến trước khi thực hiện.”.

6. Bổ sung khoản 6 vào Điều 6 của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 74/2020/NĐ-CP, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP như sau:

“6. Đối với công ty mới thành lập hoặc đã thành lập trước đây nhưng mới quay trở lại hoạt động, quỹ tiền lương thực hiện của công ty được xác định như sau:

a) Từ khi thành lập mới hoặc mới quay trở lại hoạt động cho đến hết năm tài chính liền kề năm thành lập hoặc năm quay trở lại hoạt động, quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân do công ty xác định bảo đảm tương quan chung trong Tập đoàn.

b) Sau thời gian quy định tại điểm a khoản này, quỹ tiền lương thực hiện hằng năm được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân thực hiện tính theo chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện so với năm trước liền kề theo nguyên tắc quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này. Trường hợp công ty lỗ thì mức tiền lương bình quân thực hiện để tính quỹ tiền lương xác định bằng mức tiền lương bình quân trong hợp đồng lao động đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp lương đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng và tiền lương ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương, tiền lương trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ theo quy định của Bộ luật Lao động. Trường hợp công ty giảm lỗ so với thực hiện năm trước liền kề thì trước khi thực hiện công ty căn cứ vào mức độ giảm lỗ để xác định mức tiền lương bình quân, báo cáo Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội cho ý kiến, bảo đảm tương quan chung trong Tập đoàn.

c) Khi xác định quỹ tiền lương thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này, công ty phải bảo đảm: hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Đảng và Nhà nước giao; nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và báo cáo Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội cho ý kiến trước khi thực hiện.”

7. Sửa đổi đoạn “đối với những công ty thành lập từ năm 2020 thì việc xác định quỹ tiền lương thực hiện từ năm 2021 đối với công ty này thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều này” tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP, khoản 7 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP thành: “đối với những công ty thành lập trong năm 2020 thì việc xác định quỹ tiền lương thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2023 thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều này, từ năm 2024 trở đi, quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân thực hiện tính theo chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện so với năm trước liền kề theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6 Nghị định này.”.

8. Bổ sung khoản 5 vào Điều 7 Nghị định số 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP như sau:

“5. Đối với công ty thành lập mới từ năm 2024 trở đi, người đại diện phần vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội tham gia với Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định quỹ tiền lương thực hiện của công ty theo nguyên tắc quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định này.”

## **Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 1 Nghị định này được áp dụng để xác định quỹ tiền lương thực hiện từ năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này,

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2)<sub>140</sub>

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Le Minh Khai**